

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 81/2019/DS-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2019
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Khoa Thi

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 211/2019/QĐST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Đặng Trí S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đặng Trí S. Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2019. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Qua quen biết nên ông Lê Đặng Trí S cho bà Nguyễn Thị Phương D vay 1.700.000.000đ theo Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng. Nội dung

thỏa thuận, bà D phải có trách nhiệm trả lại tiền vay cho ông Lê Đăng Trí S sau khi được giải ngân, lãi suất cho vay 3%/tháng.

Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông S yêu cầu bà D có trách nhiệm trả 1.700.000.000đ (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng) và lãi suất 3%/tháng, kể từ ngày ký biên nhận là ngày 10/12/2018 đến khi xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Phương D mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà D vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng Trí S. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, bà D tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục tố tụng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ ngày 07/6/2019 và thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, theo phiếu xác minh ngày 03/9/2019 tại Công an phường M, thành phố L thể hiện bà D đã bán nhà đi từ tháng 02/2019. Mặc dù, các bên xác lập giao dịch vay tài sản có viết biên nhận nhưng bị đơn không biết được việc mình bị khởi kiện và chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 40 BLTTDS năm 2015 để thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật. Ngoài ra, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS quy định “Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện... tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục chung”. Vụ án này, Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó, để đảm bảo đầy đủ, giải quyết toàn diện chặt chẽ vụ án, tòa án nên thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 BLTTDS năm 2015 hoặc tiếp tục thu thập địa chỉ của bị đơn đang sinh sống và tiến hành các thủ tục theo quy định tại các Điều 170, 171, 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhằm giải quyết vụ án được khách quan, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Đăng Trí S khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư ngụ tại đường T, phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Lê Đăng Trí S yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D chịu trách nhiệm trả 1.700.000.000đ (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng) và lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, kể từ ngày 10/12/2018 đến khi xét xử. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng ngày 10/12/2018 do ông Lê Đăng Trí S ký và ghi họ tên Bên A là Bên cho vay và bà Nguyễn Thị Phương D ký và ghi họ tên Bên B là Bên vay tiền.

Tại Điều 2 của Biên nhận ngày 10/12/2018 thể hiện, Bên A cho Bên B vay tiền chỉ nhằm mục đích đáo nợ Ngân hàng. Bên B có trách nhiệm dùng số tiền vay này để đáo nợ ngân hàng và phải có trách nhiệm hoàn trả lại tiền vay cho Bên A (Bên B không được sử dụng vào mục đích khác).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu bà D chịu trách nhiệm trả vốn vay 1.700.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

[3] Quá trình thực hiện các thủ tục tố tụng, mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị Phương D vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, bà D tiếp tục vắng mặt không có lý do.

[4] Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường M, thành phố L ngày 03 tháng 9 năm 2019 thể hiện: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1966. Đăng ký thường trú: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Hiện nay nhà bán từ tháng 02/2019 đi đâu làm gì không rõ.

[5] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, xác định: Trước khi nguyên đơn khởi kiện, nhiều lần điện thoại yêu cầu bà D trả nợ, bà D có hứa hẹn nhưng không thực hiện, nguyên đơn đến nhà thì bà D tránh né không gặp. Do bà D không có thiện chí trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện bà D tại Tòa án để thu hồi khoản nợ đã cho vay.

[6] Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa xét xử lần thứ 2 hôm nay, bà Nguyễn Thị Phương D là bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền lợi của bị đơn trong vụ án này hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, là bà D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại khoản 5, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về tranh chấp hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ ngân hàng ngày 10/12/2018, xét thấy bên cho vay và bên vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả vốn và lãi, nên cơ sở xác định đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn.

Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Xét thấy, đại diện nguyên đơn trình bày trước khi khởi kiện có điện thoại báo cho bà D biết về yêu cầu trả nợ cũng như đến nhà bà D nhiều lần để thu hồi khoản tiền cho vay, nhưng bà D vẫn không có thiện chí trả nợ. Nên trong vụ án này, nguyên đơn đã có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

[8] Về việc bà D vắng mặt tại địa phương theo kết quả xác minh của Công an phường M ngày 03/9/2019, Hội đồng xét xử xét thấy, theo Biên nhận ngày 10/12/2018 thì bà Nguyễn Thị Phương D là người có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông Lê Đăng Trí S, nhưng sau khi thay đổi nơi cư trú thì bà D không thông báo địa chỉ mới cho ông S là người có quyền biết, điều này thể hiện bà D cố tình giấu địa chỉ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và bản chính Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng ngày 10/12/2018 do ông Lê Đăng Trí S và bà Nguyễn Thị Phương D xác lập để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, mà không thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hay thu thập thêm địa chỉ của bị đơn, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà D chịu trách nhiệm trả vốn vay 1.700.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì

bà Nguyễn Thị Phương D có nghĩa vụ liên đới chịu 63.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Lê Đăng Trí S là 1.700.000.000đ.

Ông Lê Đăng Trí S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280; khoản 1, 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3, Điều 40; Điều 463; khoản 2, Điều 469 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng Trí S đối với bà Nguyễn Thị Phương D.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đăng Trí S 1.700.000.000đ (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của ông Lê Đăng Trí S đối với bà Nguyễn Thị Phương D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Đăng Trí S được nhận lại 31.500.000đ (Ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003167, ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa